

Số: 13/2019/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 495/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Lô 46 C8, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

* Bị đơn: Chị Dương Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Lô 46 C8, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thị P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Sau khi ly hôn giao cho chị Dương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 23/5/2008 và cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 17/4/2012.

Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công sức đóng góp chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thị P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng T nhận chịu cả 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2016/0000123 ngày 24/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Hoàn trả anh T số tiền 150.000đồng tạm ứng án phí đã nộp. Xác nhận anh T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP.B;
- VKSND TP.B;
- UBND phường H ,
Tp.B, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Văn Hải

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.